



# PHIẾU BÀI TẬP

1. Bạn hãy sắp xếp đúng thứ tự từ ngữ và nêu ý nghĩa của câu tục ngữ bên dưới

lề/phải/rách/lấy/giấy/giữ

2. Em hãy viết 2 câu ca dao/tục ngữ mang ý nghĩa GIỮ CHỮ TÍN

# PHIẾU BÀI TẬP



3. Bạn hãy tìm trong ma trận bên dưới 5 cụm từ mang thông tin liên quan đến chủ đề GIỮ CHỮ TÍN

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| U | H | U | J | J | W | E | I | F | I | R | J | L | L | B | J | C | R | P | R |
| P | G | P | C | F | L | E | G | T | T | H | D | S | J | I | M | T | V | K | X |
| O | M | H | O | A | N | T | H | I | E | N | B | A | N | T | H | A | N | T | S |
| Q | S | R | I | W | W | Q | S | Z | U | A | E | H | J | N | U | V | F | U | S |
| B | D | Q | T | Z | H | A | V | X | A | L | B | X | R | S | D | E | M | U | V |
| R | J | C | R | R | M | L | O | X | P | E | O | E | X | K | P | I | K | F | G |
| O | I | Q | O | F | Q | K | T | X | P | V | T | I | L | B | R | G | L | Y | Y |
| B | K | J | N | S | Q | Y | Q | S | J | G | A | S | H | D | Z | B | F | Q | D |
| J | K | A | G | L | S | K | C | M | Q | H | Y | Y | K | U | O | N | J | Z | C |
| X | V | Q | L | R | F | S | F | R | T | B | Q | K | Y | N | A | Y | H | H | M |
| Z | O | H | O | Z | X | M | S | G | T | O | A | Q | C | G | W | W | I | T | A |
| Q | W | V | N | U | O | Z | N | Y | P | O | R | W | G | H | T | L | Y | S | S |
| Q | F | Y | G | L | Z | X | Z | U | Q | I | D | P | K | E | K | G | Z | C | E |
| N | R | Z | T | R | U | N | G | T | H | U | C | P | X | N | E | M | T | I | X |
| A | D | E | I | B | D | V | C | W | S | H | T | D | M | Y | W | D | J | Y | O |
| Q | R | Z | N | P | U | G | T | K | B | H | Q | H | N | M | X | I | N | C | G |
| H | W | I | W | P | W | E | N | V | G | K | O | E | F | S | E | G | P | D | V |
| G | L | W | J | S | U | R | P | V | S | C | E | J | J | Z | Y | V | K | I | D |
| G | E | K | V | J | B | O | S | A | A | Q | D | F | W | F | H | P | E | J | S |
| P | U | L | Q | S | O | R | C | B | O | H | J | J | W | Q | A | P | L | Y | S |

# PHIẾU BÀI TẬP

4. Em hãy ghép nối thông tin đúng ở 2 cột bên dưới.

Biểu hiện của việc giữ chữ  
tín là

có thêm ý chí, nghị lực và tự  
hoàn thiện bản thân.

Chữ tín là

biết giữ lời hứa, đúng hẹn,  
hoàn thành nhiệm vụ,...

Việc giữ chữ tín giúp chúng  
ta

coi trọng lòng tin của mọi  
người đối với mình.

Giữ chữ tín là

sự tin tưởng, niềm tin giữa  
người với người.

5. Em hãy tìm ca dao/tục ngữ/thành ngữ về chữ tín tương ứng  
với các hình ảnh bên dưới:



1. ....

2. ....

3. ....

# PHIẾU BÀI TẬP

## 6. Trắc nghiệm: Em hãy chọn đáp án đúng nhất.

### 6.1. Người biết giữ chữ tín sẽ:

- ☐ Được mọi người tôn trọng.
- ☐ Bị mọi người lợi dụng.
- ☐ Bị mọi người coi khinh.
- ☐ Không được tin tưởng.

### 6.2. Điền vào chỗ trống: “ Việc giữ chữ tín giúp chúng ta có thêm.....”

- ☐ Ý chí, nghị lực và tự hoàn thiện bản thân.
- ☐ Kiến thức, mở rộng hiểu biết.
- ☐ Sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ đối với người khác.
- ☐ Được mọi người yêu quý, kính nể và dễ dàng hợp tác với nhau.

### 6.3. Hành vi nào không giữ chữ tín

- ☐ H hứa vay tiền xong sẽ trả nhưng sau không chịu trả.
- ☐ K hứa sẽ đạt danh hiệu học sinh giỏi và em đã làm được.
- ☐ Luôn hoàn thành nhiệm vụ đúng hẹn.
- ☐ Bố L hứa sẽ mua quà cho L sau khi công tác về. Ngày về, ông mua cho L một chiếc cặp sách mới.

### 6.4. Nhà bà G mở một xưởng chế biến thực phẩm, bà quan niệm muốn mang những sản phẩm tốt nhất đến tay người tiêu dùng. Vì muốn thu lợi nhuận từ việc buôn bán, chồng bà G đã khuyên bà nhập hàng kém chất lượng về chế biến, bà G phản đối làm điều đó. Việc làm đó của bà P thể hiện điều gì?

- ☐ Bà G là người giữ lời hứa.
- ☐ Bà G là người thật thà.
- ☐ Bà G là người giữ chữ tín.
- ☐ Bà G là người tốt bụng..